TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án: **16** /2019/HNGĐ - ST
Ngày 26 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn.
Các Hội thẩm nhân dân :
1- Bà Hoàng Thị Chung;
2- Ông Nguyễn Văn Khôi;

- ***Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thiện*** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà:*** Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019; tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXX-ST, ngày 28 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST- DS, ngày 13/11/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Triệu Thị X, sinh năm 1990. Có mặt
Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Đặng Văn L, sinh năm 1988. Vắng mặt không lý do
Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện S, tỉnh Bắc Giang..

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đặng Văn L vào tháng 10 năm 2008, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, sau có đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Cưới xong chị về gia đình anh L ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bảo nhau không ai nghe ai, anh L hay đánh chửi chị nhiều lần; hiện vợ chồng đã sống ly thân tình cảm từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay; chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh L được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Hiếu H, sinh năm 2009 và cháu Đặng Thị Y, sinh năm 2014; hiện nay 2 cháu đang ở với anh L. Nếu ly hôn chị để anh L nuôi dưỡng cả 2 con; về cấp dưỡng chị nhất trí cấp dưỡng số tiền 1.500.000đ/2 cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Đặng Văn L xác nhận một phần lời khai của chị X trong biên bản ghi lời khai, anh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Triệu Thị X vào tháng 10 năm 2008, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, sau có đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Cưới xong chị X về gia đình anh ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bảo nhau không ai nghe ai, chị X sống không chung thủy với anh nên anh và chị X đánh chửi nhau nhiều lần; hiện vợ chồng đã sống ly thân tình cảm từ đầu năm 2019 cho đến nay, chị X đã về nhà bố mẹ đẻ ở và đi làm ăn.

Nay chị X xin ly hôn anh không đồng ý, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để vợ chồng nuôi dưỡng con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Hiếu H, sinh năm 2009 và cháu Đặng Thị Y, sinh năm 2014 hiện nay 2 cháu đang ở với anh; nếu ly hôn anh xin nuôi cả 2 con. Về cấp dưỡng anh yêu cầu chị X cấp dưỡng cho 2 cháu bằng 5.000.000đ/2 cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà: Chị Triệu Thị X vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh L được ly hôn theo quy định của pháp luật, tại biên bản ghi lời khai anh L không nhất trí ly hôn.

3. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định, bị đơn không chấp hành là vi phạm về nghĩa vụ. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà anh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án xét

xử vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị X và anh Đặng Văn L được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho anh Đặng Văn L tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Đặng Hiếu H, sinh năm 2009 và cháu Đặng Thị Y, sinh năm 2014; chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 1.500.000đ/2 cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12/2019.

Về tài sản: Chị X không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Triệu Thị X được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Đặng Văn L vẫn vắng mặt tại phiên tòa; vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

a) Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Triệu Thị X, bị đơn anh Đặng Văn L cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định: Chị Triệu Thị X kết hôn với anh Đặng Văn L vào tháng 10 năm 2008, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, đăng ký kết hôn số 02 ngày 13 tháng 10 năm 2008. Cưới xong chị X về gia đình anh L ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh L là hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bảo nhau không ai nghe ai nên anh L hay đánh chửi chị X nhiều lần; vợ chồng đã sống ly thân tình cảm từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay; chị X đã về nhà bố mẹ đẻ ở.

Xét thấy quá trình chung sống với nhau chị X đi làm ăn, ở nhà anh L nghi ngờ chị X không chịu làm ăn mà đi theo trai nên vợ chồng đã bảo nhau không nghe nhau nên hay cãi nhau và anh L đã đánh chị X nhiều lần; chị X và anh L đã vi phạm nghĩa vụ sống chung với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Triệu Thị X; cho chị X và anh L được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

b) Về con chung: Chị X và anh L có 02 con chung là cháu cháu Đặng Hiếu H, sinh ngày 21/4/ 2009 và cháu Đặng Thị Y, sinh ngày 30/7/2014; hiện nay 2 cháu đang ở cùng anh L, anh L có nguyện vọng xin nuôi cả 2 con, chị X đồng ý với ý kiến của anh L và cháu H có nguyện vọng ở với anh L. Do vậy, cần tiếp tục giao cho anh Đặng Văn L nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Đặng Hiếu H và cháu Đặng Thị Y.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L hiện làm nông nghiệp và làm thêm có mức thu nhập thấp, chị X đi làm công nhân có mức thu nhập khoảng 5.000.000đ/tháng. Mức tiền anh L yêu cầu chị X cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng nhưng chị X không đồng ý, chị chỉ đồng ý cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng/2 cháu. Xét thấy anh L có nguyện vọng yêu cầu chị X cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là chính đáng, xong xét về nghề nghiệp và thu nhập của chị X là không ổn định, từ đó thì yêu cầu của anh L đối với chị X là cao; Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của anh L, buộc chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 1.500.000đ/tháng/2 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2019.

Về lãi suất chậm Thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

c) Về tài sản: Chị X và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản; vì thế Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

d) Về án phí: Chị Triệu Thị X thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị X và anh Đặng Văn L được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho anh Đặng Văn L tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Đặng Hiếu H, sinh ngày 21/4/2009 và cháu Đặng Thị Y, sinh ngày 30/7/ 2014; chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 1.500.000đ/2 cháu/tháng (mỗi cháu 750.000đ/tháng) cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12/2019.

Về lãi suất chậm Thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Chị Triệu Thị X được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã V;
- Lưu HS, VP .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn